

K9.E3. B1. XÁC ĐỊNH DỮ LIỆU NHẬP VÀO BẢNG TÍNH

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN MỸ

Trường: THCS Phạm Hữu Lầu

Tổ: Công nghệ - Tin học - Nghệ thuật

Giáo viên: Vũ Nguyễn Hoàng Anh

Khối: 9

Năm học: 2025-2026





Giới thiệu bài học

Một cửa hàng nhập kho nhầm số lượng có thể gây ra sai lệch báo cáo.

Tầm quan trọng: Dữ liệu đúng giúp phân tích và quyết định chính xác.

Bài học hôm nay giúp giảm lỗi khi nhập liệu trong bảng tính.





Nội dung bài học

1. Khái niệm xác thực dữ liệu
2. Các loại điều kiện xác thực
3. Thiết lập danh sách cho ô (drop-down)
4. Thiết lập điều kiện theo số và ngày
5. Thông báo lỗi và xử lý ngoại lệ
6. Lợi ích của xác thực dữ liệu

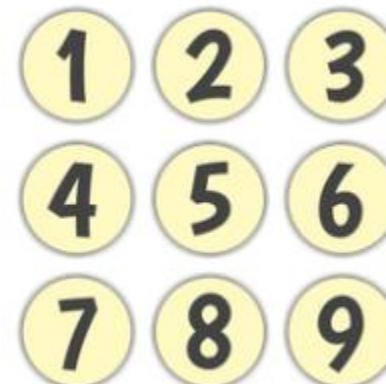
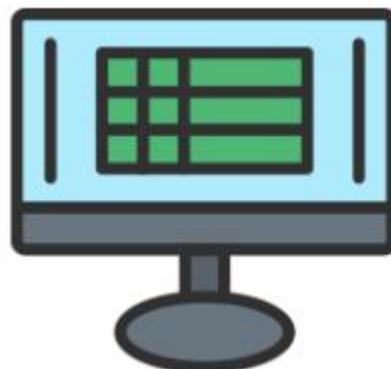
1. Khái niệm Xác thực dữ liệu (Data Validation)



Định nghĩa: Xác thực dữ liệu là thiết lập điều kiện để ô chỉ nhận dữ liệu hợp lệ.

Công dụng: Ngăn lối nhập liệu, giữ tính nhất quán của dữ liệu.

Ví dụ: Chỉ cho phép ô nhập số từ 1 đến 9.



2. Các loại điều kiện xác thực dữ liệu



Điều kiện theo kiểu: số, văn bản, ngày tháng, danh sách.

Ràng buộc phạm vi: ví dụ số trong khoảng từ 1 đến 100.

Quy tắc tùy chỉnh: dùng công thức để kiểm tra điều kiện phức tạp.

Three large, colorful numbers: 1 (orange), 2 (yellow), and 3 (teal). Each number has a black outline and a white center.

Three large, colorful letters: A (orange), B (blue), and C (pink). Each letter has a black outline and a white center. There are green curved lines above each letter, resembling sound waves or energy bursts.

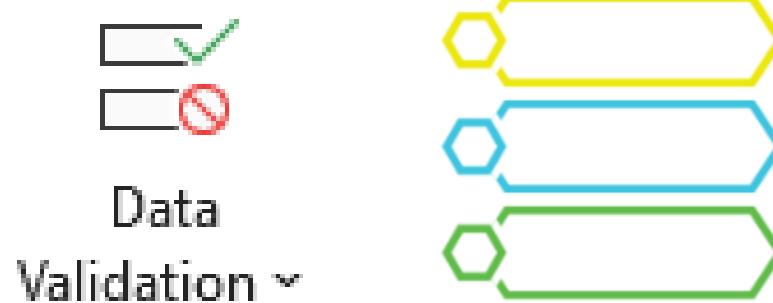
3. Thiết lập danh sách lựa chọn (Drop-down)



Mục đích: Hướng học sinh chọn từ các giá trị cho phép.

Cách làm: Chọn Data -> Data Validation -> List -> nhập giá trị hoặc tham chiếu vùng.

Công dụng: Tiết kiệm thời gian, giảm lỗi chính tả và dữ liệu không hợp lệ.



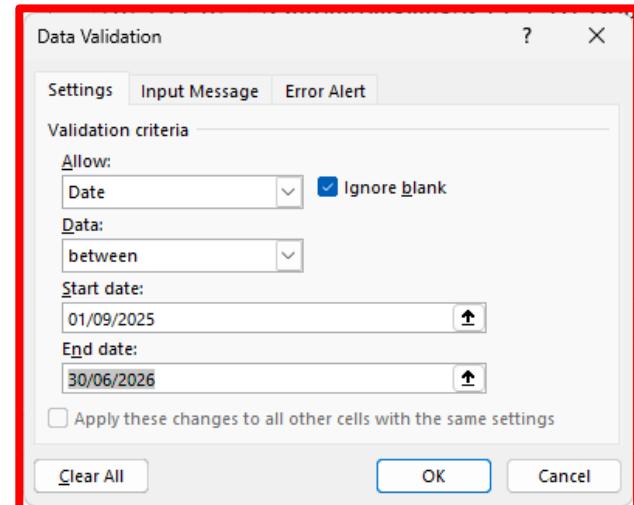
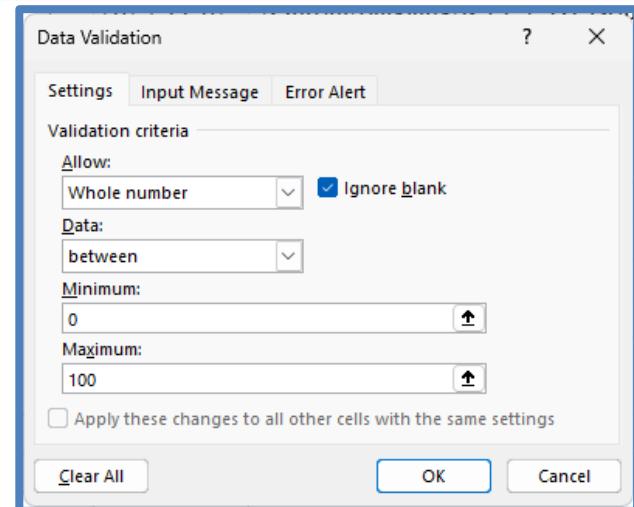
4. Thiết lập điều kiện theo số và ngày



Ví dụ số: Chỉ cho phép nhập số nguyên dương từ 0 đến 100.

Ví dụ ngày: Chỉ cho phép ngày trong năm học (01/09/2025 đến 30/06/2026).

Cách kiểm tra: dùng ô ví dụ và thử nhập dữ liệu sai để xem thông báo lỗi.



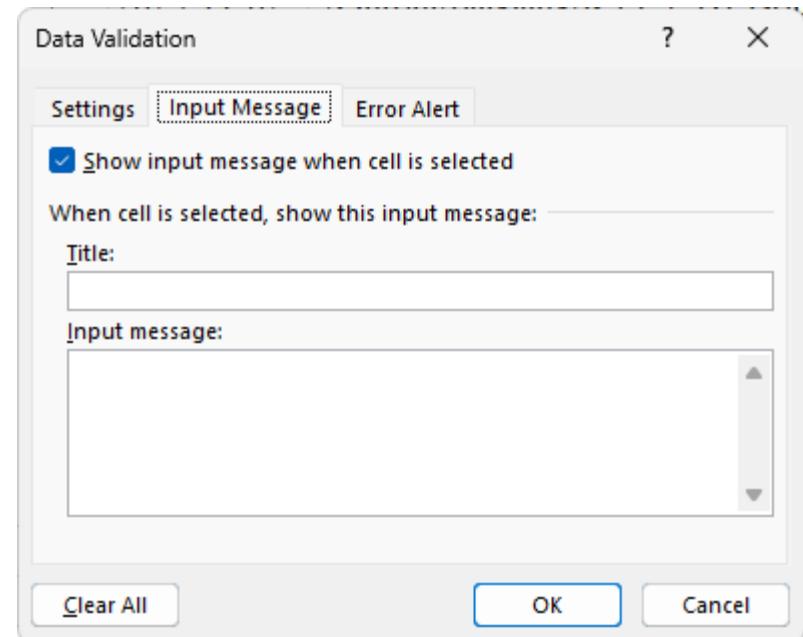
5. Thông báo lỗi và xử lý ngoại lệ



Tùy chỉnh thông báo: Title và message giúp người dùng biết lỗi.

Hành vi khi sai: từ chối nhập, cảnh báo hoặc cho sửa.

Công dụng: Kiểm tra và hướng dẫn cách sửa dữ liệu sai.

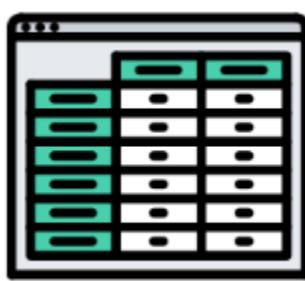


Ví dụ thực hành: Phiếu điểm học sinh

Yêu cầu: Ô 'Học lực' chỉ nhận các giá trị: Giỏi, Khá, Trung bình, Yếu.

Thiết lập: dùng Data Validation -> List với 4 giá trị trên.

Kiểm tra: Thủ nhập 'Gioi' (sai) và quan sát lỗi.



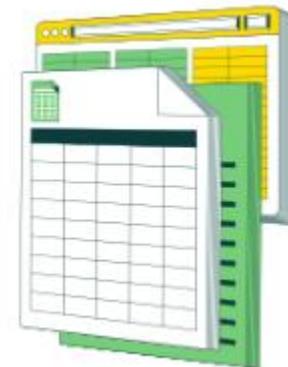
6. Lợi ích của xác thực dữ liệu



Giảm lỗi nhập liệu và sai số báo cáo.

Dễ dàng tổng hợp và xử lý dữ liệu tự động.

Tăng tính chuyên nghiệp và tin cậy của bảng tính.



Bài tập thực hành

Bài tập: Tạo bảng danh sách sản phẩm gồm cột 'Số lượng' ($>=0$), 'Ngày nhập' (không trước 2025-01-01), 'Loại' (Danh sách Cơ bản, Nâng cao).

Yêu cầu: Đúng validation, thông báo lỗi rõ ràng.



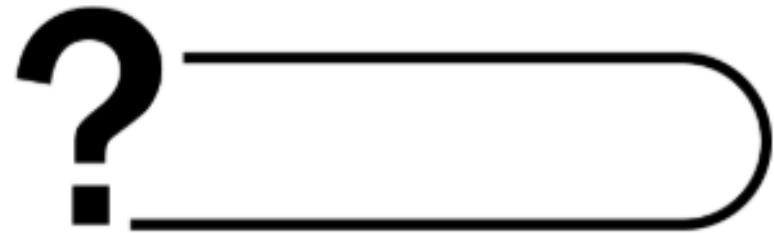
Tóm tắt bài học



Xác thực dữ liệu giúp chỉ nhận dữ liệu hợp lệ.

Các công cụ chính: List (drop-down), điều kiện số, điều kiện ngày, công thức tùy chỉnh.

Thực hành: Áp dụng validation cho bảng điểm và bảng sản phẩm.





THE END